

Bốn nội dung cần nghiên cứu thấu đáo trong Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

25/05/2026

PGS.TS, CAO VŨ MINH

Trường Đại học Kinh tế – Luật, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Tóm tắt: Với tư cách là một thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, Việt Nam không chỉ chú trọng việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà còn nghiêm túc, thiện chí trong việc thực hiện các cam kết quốc tế. Trong đó, công tác tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được đặc biệt quan tâm. Bài viết tập trung phân tích một số vấn đề pháp lý trong Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, từ đó đề xuất các kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật trong lĩnh vực này.

Từ khóa: Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị quyết; phối hợp giám sát; điều ước quốc tế; thỏa thuận quốc tế.

Abstract: Besides signing and acceding to international treaties and agreements, as an active member of the international community, Vietnam is diligently and willingly fulfilling its international commitments. In other words, Vietnam places great emphasis on organizing and monitoring the implementation of international treaties and agreements. This article analyzes some legal issues in the Draft Resolution of the Standing Committee of the National Assembly on coordinating the monitoring of the implementation of international treaties and agreements to make recommendations for improving legal regulations.

Keywords: National Assembly Standing Committee; resolutions; coordinated supervision; international treaties; international agreements.

Đặt vấn đề

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới nêu rõ: “Tiếp tục nghiên cứu để xác định rõ hơn phạm vi, đối tượng, phương pháp, hình thức giám sát tối cao của Quốc hội phù hợp thực tiễn”. Để hoạt động giám sát đạt hiệu quả cao thì vai trò của các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trở nên rất quan trọng. Chính vì vậy, việc Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chủ trì soạn thảo Nghị quyết quy định về phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua là điều rất cần thiết. Nghị quyết này không chỉ thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về đối ngoại và hội nhập quốc tế trong tình hình mới, theo tinh thần Nghị quyết số

59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị mà còn là văn bản chi tiết hóa điểm h khoản 1 Điều 20 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025.

Trong bối cảnh Ủy ban Thường vụ Quốc hội đang lấy ý kiến đối với Dự thảo Nghị quyết quy định về phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết), tác giả đưa ra 04 góp ý cụ thể nhằm góp phần hoàn thiện, bảo đảm tính chặt chẽ, thống nhất và khả thi của văn bản khi được ban hành.

1. Về phạm vi điều chỉnh

Điều 1 Dự thảo Nghị quyết quy định về phạm vi điều chỉnh. Cụ thể:

“1. Nghị quyết này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành điểm h khoản 1 Điều 20 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục và trách nhiệm tổ chức phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với cơ quan có liên quan của *Quốc hội của quốc gia* cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

2. Phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tại khoản 1 Điều này được thực hiện khi Quốc hội Việt Nam và *Quốc hội của quốc gia* cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã có thỏa thuận về việc phối hợp giám sát”.

Hầu hết mọi quốc gia trên thế giới đều có một hình thức nghị viện nào đó. Hệ thống nghị viện được chia thành hai loại là đơn viện và lưỡng viện. Trong số 188 nghị viện quốc gia trên thế giới, có 107 nghị viện đơn viện và 81 nghị viện lưỡng viện (162 viện), tổng cộng có 269 viện với khoảng 44.000 nghị sĩ^[1]. Nghị viện là cơ quan lập pháp tối cao ở các quốc gia và có tên gọi đa dạng như “Nghị viện” (*Parliament*), “Quốc hội” (*Congress/National Assembly*)^[2].

Sau này, hai thuật ngữ này được sử dụng nhằm mô tả hoạt động thảo luận để thông qua luật của cơ quan lập pháp tối cao^[3]. Theo nhiều nghiên cứu, *Parliament* thường dùng cho các quốc gia có truyền thống lưỡng viện, phổ biến ở các quốc gia châu Âu, Khối Thịnh vượng chung (*commonwealth*) hoặc các quốc gia theo mô hình dân chủ nghị viện (tiêu biểu là Vương quốc Anh, Canada, Úc...)^[4]. Trong khi đó, các quốc gia muốn có một phong cách mới, nhằm tạo ra sự khác biệt với tên gọi *Parliament* nên họ đã chọn tên gọi là *Congress* (tiêu biểu là Hoa Kỳ, Colombia, Paraguay, Philippines...)^[5]. Một số quốc gia khác lựa chọn tên gọi là *National Assembly* nhằm nhấn mạnh tính đại diện - tức là cơ quan lập pháp tối cao được bầu ra bởi Nhân dân (tiêu biểu là Afghanistan, Angola, Armenia, Bahrain, Belarus, Bulgaria, Cuba, Hàn Quốc, Hungary, Lào, Thái Lan, Việt Nam...). Các quốc gia sử dụng tên gọi cơ quan lập pháp tối cao là “*National Assembly*” thường nhấn mạnh tính đại diện trực tiếp của Nhân dân (thuật ngữ “*assembly*” tức là “hội nghị/đại hội”)^[6]. Nhìn chung, tên gọi của cơ quan lập pháp thay đổi giữa *Parliament*, *Congress* hay *National Assembly* phụ thuộc vào nhiều yếu tố như **thể chế chính trị, lịch sử quốc gia, mô hình tổ chức** (đơn viện hay lưỡng viện)^[7]...

Trong nhiều trường hợp, các quốc gia khác chọn lựa tên cho cơ quan lập pháp tối cao của mình khá riêng biệt và độc đáo như Quốc hội Nhật Bản (*National Diet*),

Quốc hội Hà Lan (*States General*), Đại hội quốc gia Argentina (*National Congress*), Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc Trung Quốc (*National People's Congress*), Hội đồng đại biểu nhân dân Tunisia (*Assembly of People's Representatives*)... Tuy nhiên, giới nghiên cứu và giới truyền thông thường sử dụng thuật ngữ chung là Nghị viện (*Parliament*) hơn là Quốc hội (*Congress/National Assembly*). Thậm chí, Liên minh Nghị viện thế giới (*IPU - Inter - Parliamentary Union*) bao gồm 183 nghị viện quốc gia cũng sử dụng tên gọi chính thức là “*Parliamentary*”. Do đó, khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết quy định “Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với cơ quan có liên quan của *Quốc hội của quốc gia* cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế” là chưa thể hiện hết sự đa dạng trong tên gọi của cơ quan lập pháp tối cao ở các quốc gia khác nhau. Tương tự, khoản 2 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết với quy định “Quốc hội Việt Nam và *Quốc hội của quốc gia* cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế” cũng chưa thể hiện chính xác tên gọi của cơ quan lập pháp tối cao của các quốc gia này. Một điều đáng quan tâm là Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 03/4/2026 về Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội cũng tuân thủ nguyên tắc tôn trọng tính đa dạng về tên gọi của cơ quan lập pháp tối cao ở các quốc gia khác nhau khi quy định “thực hiện quan hệ đối ngoại với *Quốc hội/Nghị viện* các nước”^[8].

Do đó, tác giả cho rằng, để bảo đảm tính chính xác cũng như đề cao sự đa dạng trong tên gọi chính thức của cơ quan lập pháp tối cao ở các quốc gia khác nhau, có thể xây dựng quy phạm mang tính quy ước tại khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết. Theo đó, khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết có thể chỉnh sửa như sau: “Nghị quyết này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành điểm h khoản 1 Điều 20 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục và trách nhiệm tổ chức phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội với cơ quan có liên quan của cơ quan lập pháp tối cao ở các quốc gia (*Quốc hội, Nghị viện, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, Hội đồng Liên bang...*) (sau đây gọi chung là *Quốc hội*) của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế”. Việc xây dựng quy phạm mang tính quy ước là cần thiết và cũng phù hợp với kinh nghiệm lập pháp của Việt Nam. Đơn cử, khoản 2 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) cũng đã quy định: “Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật gồm: *Bộ luật, luật* (sau đây gọi chung là *luật*), nghị quyết của Quốc hội”. Khi đã có quy phạm mang tính quy ước tại khoản 1 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết thì hoàn toàn có thể giữ nguyên văn khoản 2 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết bởi thuật ngữ “*Quốc hội của quốc gia*” tại khoản này đã bao gồm các tên gọi riêng là Đại hội quốc gia, Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc, Hội đồng đại biểu nhân dân...

2. Về đối tượng áp dụng

Điều 2 Dự thảo Nghị quyết quy định về đối tượng áp dụng. Theo khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết thì Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội là những chủ thể trước tiên và chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Tuy nhiên, điều khoản này có phần chưa đầy đủ và cũng không thống nhất với các quy định khác

liên quan đến chủ thể giám sát được quy định trong Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (*sau đây gọi tắt là Hiến pháp*) và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025) (*sau đây gọi tắt là Luật Tổ chức Quốc hội*).

Theo Điều 66 Luật Tổ chức Quốc hội thì Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội là các cơ quan của Quốc hội, do Quốc hội quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện chức năng hoạt động thường xuyên. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Quốc hội thành lập Ủy ban lâm thời để nghiên cứu, thẩm tra một dự án hoặc điều tra về một vấn đề nhất định^[9]. Như vậy, cơ cấu, tổ chức của Quốc hội bao gồm Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Các Ủy ban của Quốc hội được phân chia thành 02 loại là các Ủy ban hoạt động thường xuyên và các Ủy ban hoạt động mang tính chất lâm thời. Theo Nghị quyết số 178/2025/QH15 của Quốc hội ngày 18/2/2025 về tổ chức các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội gồm: “a) *Hội đồng Dân tộc*; b) *Ủy ban Pháp luật và Tư pháp*; c) *Ủy ban Kinh tế và Tài chính*; d) *Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại*; đ) *Ủy ban Văn hóa và Xã hội*; e) *Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường*; g) *Ủy ban Công tác đại biểu*; h) *Ủy ban Dân nguyện và Giám sát*”.

Như vậy, ngoài Hội đồng Dân tộc, Quốc hội có 07 Ủy ban hoạt động mang tính chất thường xuyên. Bên cạnh đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội còn có thể trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập Ủy ban lâm thời theo đề nghị của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội. Do Hội đồng Dân tộc chỉ có 01 nên khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị quyết nhắc đến chủ thể này một cách cụ thể là hoàn toàn chính xác. Tuy nhiên, Ủy ban của Quốc hội không chỉ có một mà là nhiều chủ thể nên việc sử dụng thuật ngữ “*Ủy ban của Quốc hội*” có phần chưa bao quát. Theo khảo sát của tác giả, ngoài khoản 1 Điều 2 thì Dự thảo Nghị quyết còn thêm 19 lần nữa sử dụng thuật ngữ “*Ủy ban của Quốc hội*” trong các điều khoản khác^[10] và có sự không thống nhất khi tại khoản 1 Điều 13 sử dụng thuật ngữ bảo đảm sự chính xác là “*các Ủy ban của Quốc hội*”.

Luật Tổ chức Quốc hội hiện hành dành riêng Chương IV (từ Điều 66 đến Điều 89) để quy định về Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Điều 66 Luật Tổ chức Quốc hội có tên điều luật là “*Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội*” cũng là để nhấn mạnh tính chất đa dạng của các Ủy ban của Quốc hội. Thậm chí, Hiến pháp - văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất cũng có những quy định rất cụ thể về “*các Ủy ban của Quốc hội*”. Đơn cử, khoản 1 Điều 77 Hiến pháp hiện hành quy định: “Hội đồng Dân tộc, *các Ủy ban của Quốc hội* có quyền yêu cầu thành viên Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước và cá nhân hữu quan báo cáo, giải trình hoặc cung cấp tài liệu về những vấn đề cần thiết”.

Hiến pháp và cả Luật Tổ chức Quốc hội không sử dụng thuật ngữ “*Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội*” như trong Dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội vừa được ban hành cũng thống nhất sử dụng cụm từ “*Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội*”^[11]. Do đó, để bảo đảm sự thống nhất

trong hệ thống pháp luật cũng như tính tối cao của Hiến pháp, tác giả kiến nghị Dự thảo Nghị quyết cần có sự điều chỉnh thuật ngữ “*Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội*” thành “*Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội*”. Sửa đổi này tuy nhỏ nhưng vẫn rất cần thiết nhằm bảo đảm tính chính xác trong ngôn ngữ pháp lý cũng như đáp ứng yêu cầu về tính nhất quán ngay trong Dự thảo Nghị quyết.

3. Về thẩm quyền phê duyệt và thành lập Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung

Phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế là hoạt động rất quan trọng, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, khẳng định chủ quyền, thúc đẩy hội nhập quốc tế, tạo tiếng nói chung và sự thống nhất hành động giữa các bên tham gia. Trong tương quan đó, hoạt động phối hợp giám sát đóng vai trò then chốt nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực thi điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Để triển khai hoạt động phối hợp giám sát đạt kết quả tốt thì cần có các chủ thể thực hiện việc phối hợp giám sát. Dự thảo Nghị quyết cũng đã quy định về vai trò của các Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung.

Theo khoản 1 Điều 10 Dự thảo Nghị quyết, Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung được thành lập bằng Nghị quyết hoặc Quyết định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc tổ chức Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung ở nước ngoài được thực hiện theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục tổ chức đoàn ra, đoàn vào Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội. Như vậy, Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung ở trong nước được thành lập bằng Nghị quyết hoặc Quyết định sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vấn đề có tính pháp lý đặt ra là chủ thể nào có thẩm quyền ra văn bản phê duyệt và chủ thể nào sẽ thành lập Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung ở trong nước bằng một nghị quyết hoặc một quyết định? Nghiên cứu tất cả các điều khoản trong Dự thảo Nghị quyết thì việc trả lời các câu hỏi này không đơn giản.

Hiện nay, mặc dù điểm a khoản 1 Điều 10 Dự thảo Nghị quyết có quy định: “Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung được thành lập bằng Nghị quyết hoặc Quyết định *sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị quyết này*”, nhưng khi nghiên cứu khoản 3 Điều 9 Dự thảo Nghị quyết thì không thể xác định chính xác cấp có thẩm quyền phê duyệt là chủ thể nào. Cụ thể, khoản 3 Điều 9 quy định: “*kế hoạch phối hợp giám sát phải được gửi tới Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi tiến hành phối hợp giám sát. Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại gửi công hàm, công điện cho Cơ quan đại diện nước sở tại tại Việt Nam và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước sở tại thông báo về hoạt động phối hợp giám sát*”. Quy định trên đề cập đến vấn đề gửi kế hoạch phối hợp giám sát tới cơ quan đầu mối là Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại. Sau đó, Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại gửi công hàm, công điện cho Cơ quan đại diện nước sở tại tại Việt Nam và Cơ quan đại diện Việt Nam tại nước sở tại thông báo về hoạt động phối hợp giám sát. Như vậy, nội dung của khoản 3 Điều 9 Dự thảo Nghị quyết quy định về vấn đề gửi kế hoạch phối hợp giám sát và gửi công hàm, công điện phối hợp. Điều khoản này không quy định về thẩm quyền phê duyệt Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung. Do đó, điểm a khoản 1 Điều 10 viện dẫn sang khoản 3 Điều 9 Dự

thảo Nghị quyết để nhân mạnh thẩm quyền phê duyệt Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung là chưa chính xác.

Nghiên cứu điểm c khoản 1 Điều 10 Dự thảo Nghị quyết cho thấy: “*việc tổ chức Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung ở nước ngoài được thực hiện theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục tổ chức đoàn ra, đoàn vào Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội*”. Theo đó, việc tổ chức Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung ở nước ngoài thuộc thẩm quyền của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội sẽ được thực hiện căn cứ theo quy định về đoàn ra, đoàn vào tại Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đáng chú ý, Nghị quyết này đã quy định khá rõ ràng về trình tự và thẩm quyền thành lập đoàn ra. Cụ thể:

Bước thứ nhất, căn cứ Chương trình hoạt động đối ngoại đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, cơ quan tổ chức đoàn ra (Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội) chủ trì trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Chủ tịch Quốc hội về chủ trương tổ chức đoàn ra[\[12\]](#).

Bước thứ hai, cơ quan tổ chức đoàn ra (Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội) phải gửi văn bản đến Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại thông báo về địa bàn, thời gian, thành phần, nội dung của chuyên công tác.

Bước thứ ba, cơ quan tổ chức đoàn ra (Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội) phải gửi văn bản đến Ủy ban Công tác đại biểu đề nghị ban hành Nghị quyết thành lập đoàn công tác trước ngày đi ít nhất 5 ngày làm việc.

Bước thứ tư, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội phê duyệt về nhân sự theo thẩm quyền.

Bước thứ năm, trên cơ sở phê duyệt về nhân sự theo thẩm quyền của Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội, cơ quan tổ chức đoàn ra (Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội) ban hành Quyết định nhân sự tham gia chuyên công tác[\[13\]](#).

Với quy trình 05 bước như trên, có thể thấy, Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội có thẩm quyền phê duyệt về nhân sự tham gia đoàn ra. Từ cơ sở phê duyệt về nhân sự theo thẩm quyền của Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội, cơ quan tổ chức đoàn ra (Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội) mới ban hành Quyết định nhân sự tham gia chuyên công tác. Cần lưu ý, thẩm quyền ban hành Quyết định nhân sự tham gia chuyên công tác thuộc về cơ quan tổ chức đoàn ra (Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội). Trong khi đó, thẩm quyền ban hành Nghị quyết thành lập đoàn công tác lại thuộc về Ủy ban Công tác đại biểu. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết thành lập đoàn công tác và thẩm quyền ban hành Quyết định nhân sự tham gia chuyên công tác thuộc về hai chủ thể khác nhau và được thực hiện trong những giai đoạn khác nhau.

Có thể thấy, nếu chỉ căn cứ vào các quy định trong Dự thảo Nghị quyết thì chưa thể xác định được chủ thể có thẩm quyền phê duyệt Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung. Tương tự, thẩm quyền ban hành Nghị quyết hoặc Quyết định để thành lập Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung thuộc về chủ thể nào cũng chưa được xác định cụ thể. Đối chiếu với các quy định về thủ tục và thẩm quyền tổ chức đoàn ra trong Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15, có thể suy luận rằng, Hội đồng

Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội sẽ chủ trì việc tổ chức Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung. Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội có thẩm quyền sẽ phê duyệt về nhân sự tham gia Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung. Dựa trên cơ sở sự phê duyệt này, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội ban hành Quyết định thành lập Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung. Tuy nhiên, suy luận này mới chỉ mang tính học thuật, chưa có giá trị pháp lý. Những người làm công tác thực tiễn cần có quy tắc xử sự chung và điều này nhất thiết phải được quy phạm hóa trong Dự thảo Nghị quyết. Ngoài ra, Dự thảo Nghị quyết cũng cần làm rõ “*Nghị quyết thành lập Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung*” với “*Quyết định thành lập Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung*” tại điểm a khoản 1 Điều 10 là 02 loại văn bản có thể thay thế cho nhau hay không? Nếu căn cứ vào thuật ngữ “*hoặc*” tại điểm a khoản 1 Điều 10 Dự thảo Nghị quyết thì chỉ cần có 01 trong 02 loại văn bản trên là đã đáp ứng yêu cầu thành lập Đoàn phối hợp giám sát, khảo sát chung. Trong khi đó, nếu đối chiếu với Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15 thì “*Nghị quyết thành lập đoàn công tác*” và “*Quyết định nhân sự tham gia chuyển công tác*” là 02 văn bản khác nhau, do các chủ thể khác nhau ban hành vào những thời điểm khác nhau.

4. Về hiệu lực thi hành

Quy định về hiệu lực thi hành của một văn bản quy phạm pháp luật là vấn đề quan trọng. Nội dung này xác định **thời điểm** bắt đầu có hiệu lực của một văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời tuyên bố những văn bản quy phạm pháp luật khác hết hiệu lực nếu những văn bản này đã bị thay thế bởi văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc không phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới. Điều 14 Dự thảo Nghị quyết quy định khá cụ thể về hiệu lực thi hành:

“1. *Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.*

2. *Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này*”.

Với quy định tại khoản 1 Điều 14, có thể nhận thấy, Nghị quyết quy định về phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, bởi có ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì mới có thể xác định nghị quyết có hiệu lực “*kể từ ngày ký ban hành*”. Theo khoản 2 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thẩm quyền tự quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành pháp lệnh, nghị quyết của mình. Do đó, quy định tại khoản 1 Điều 14 Dự thảo Nghị quyết là phù hợp, bảo đảm tính hợp pháp và không có vấn đề gì cần tranh luận.

Tuy nhiên, quy định tại khoản 2 Điều 14 Dự thảo Nghị quyết lại đặt ra nhiều vấn đề cần được xem xét và bàn luận thêm. Cụ thể, khoản 2 Điều 14 Dự thảo Nghị quyết quy định: “*Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này*”. Theo tác giả, nội dung này không thuộc về hiệu lực thi hành, do đó không cần thiết phải quy định tại Điều 14 Dự thảo Nghị quyết. Điều này được lý giải bởi hai lý do.

Thứ nhất, khảo sát 51 luật và 08 nghị quyết mang tính quy phạm do Quốc hội khóa XV ban hành tại Kỳ họp thứ 10 cho thấy, điều luật quy định về hiệu lực thi hành được thiết kế theo hai công thức. *Công thức thứ nhất*: điều luật đề cập đến

thời điểm luật/ng nghị quyết bắt đầu có hiệu lực và những văn bản hết hiệu lực kể từ ngày luật/ng nghị quyết đó có hiệu lực thi hành (Luật Tình trạng khẩn cấp năm 2025, Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù năm 2025, Luật Tương trợ tư pháp về dân sự năm 2025, Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025, Luật Dân số năm 2025, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú năm 2025, Nghị quyết số 260/2025/QH15 sửa đổi Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh...). *Công thức thứ hai*: điều luật đề cập đến thời điểm luật/ng nghị quyết bắt đầu có hiệu lực cũng như thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ trưởng... trong việc ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật/ng nghị quyết đó (Luật Tòa án chuyên biệt tại Trung tâm tài chính quốc tế năm 2025, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025...). Đáng chú ý, trong toàn bộ 59 văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội khóa XV ban hành tại Kỳ họp thứ 10 không có bất kỳ văn bản nào quy định về vấn đề “*cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành*” như cách quy định tại khoản 2 Điều 14 Dự thảo Nghị quyết. Tương tự, các nghị quyết quy phạm do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành gần đây như Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15, Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15, Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15 thì điều luật về hiệu lực thi hành cũng không có quy định “*cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành*”.

Thứ hai, theo Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật. Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc trong đơn vị hành chính nhất định. Nghị quyết phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là văn bản quy phạm pháp luật và có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với mọi cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Nội dung này cũng đã được khẳng định tại Điều 2 Dự thảo Nghị quyết. Thiết nghĩ, quy định “*cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này*” chỉ cần thiết đối với các nghị quyết cá biệt nhằm chỉ rõ đối tượng phải thi hành. Đối với nghị quyết mang tính quy phạm của các chủ thể có thẩm quyền nói chung và của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nói riêng thì không cần quy định nội dung này. Do đó, tác giả kiến nghị loại bỏ quy định “*Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này*” tại khoản 2 Điều 14 Dự thảo Nghị quyết.

Kết luận

Là một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, góp phần xây dựng trật tự chính trị và kinh tế công bằng, dân chủ, Việt Nam đang hội nhập sâu rộng, hợp tác quốc tế với các quốc gia và các tổ chức quốc tế trên nhiều lĩnh vực^[14]. Bên cạnh việc ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, với tư cách là một thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, Việt Nam đang tận tâm, thiện chí thực hiện các cam kết quốc tế của mình. Để có thể tuân thủ đầy đủ cam kết quốc tế trong điều kiện đất nước và phù hợp với tinh thần chung của pháp luật quốc tế, Việt Nam rất chú trọng vấn đề tổ chức thực hiện và giám sát việc thực

hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Trên bình diện quan hệ đối ngoại, Việt Nam cũng ra sức phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Để hoạt động phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trở thành khuôn mẫu, nhất quán, việc ban hành một văn bản quy phạm pháp luật quy định về vấn đề này là vô cùng cần thiết. Đáp ứng kỳ vọng đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đang tích cực lấy ý kiến Dự thảo Nghị quyết quy định về phối hợp giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế. Hy vọng, với những góp ý tâm huyết và sự cân nhắc kỹ lưỡng từng điều khoản, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ ban hành một nghị quyết chất lượng và có tính khả thi cao.

[1] Xem thêm: <https://www.ipu.org/national-parliaments>.

[2] Steffen Ganghof, *Is the 'Constitution of Equality' Parliamentary, Presidential or Hybrid?*, Political Studies, Vol. 63, No. 4, 2015, pp. 814 - 829.

[3] Andre Barnes, *The Legislative Process: From Government Policy to Proclamation*, Library of Parliament, Ottawa, Canada, 2025, pp. 2.

[4] Cheibub, José A., et al, *Beyond Presidentialism and Parliamentarism*, British Journal of Political Science, Vol. 44, No. 3, 2014, pp. 515 - 544.

[5] Patti Tamara Lenard and Richard Simeon (eds), *Imperfect Democracies: The Democratic Deficit in Canada and the United States*, Vancouver UBC Press, 2012, pp. 181 - 203.

[6] Juhn Chris P. Espia, *Legislatures*, in. *Encyclopaedia of Asian Politics*, Edward Elgar Publishing, 2023, pp. 103 - 108.

[7] Steffen Ganghof, *Bicameralism as a Form of Government (Or: Why Australia and Japan Do Not Have a Parliamentary System)*, Parliamentary Affairs, Vol. 67, No. 3, 2014, pp. 647 - 663.

[8] Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15 ngày 03/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

[9] Điều 78 Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[10] Dự thảo Nghị quyết có 19 lần sử dụng thuật ngữ “*Ủy ban của Quốc hội*” tại các điều khoản sau: khoản 1 Điều 2, khoản 5 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 4 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 6, khoản 3 Điều 6, khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 8 (2 lần), khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 10 (2 lần), khoản 2 Điều 10 (2 lần), khoản 3 Điều 10 (2 lần), khoản 2 Điều 14.

[11] Điều 2 Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15 quy định: “*Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, **Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội**, Nhóm Nghị sĩ hữu nghị, Nhóm nữ đại biểu Quốc hội, Nhóm đại biểu Quốc hội trẻ, Văn phòng Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết này*”.

[12] Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15.

[13] Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 124/2026/UBTVQH15.

[14] Phạm Thị Bắc Hà, *Bảo lưu điều ước quốc tế về quyền con người của Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 16, năm 2018, tr. 15.